

Anh Tôi, Một Phận Trai Thời Chiến (2)

FB Le Tan Ton

5. KHI ANH NẪM XUỐNG

Tờ “*Bưu Tín Báo Cáo Tạ Thế*” còn lưu lại cho biết Anh chỉ tham gia cuộc chiến đúng 3 năm rưỡi, tính từ ngày trú tảo thư sinh nhập ngũ vào quân trường cho đến khi vĩnh viễn giã từ trần thế, khi vừa mới tròn 24 tuổi và 1 tháng 13 ngày. Trong văn bản này, do Tiểu khu trưởng Tiểu khu Long An ký ban hành ngày 24/05/1968, vừa dùng để “báo tử” cho thân nhân vừa phục vụ các công vụ khác, người ta ghi nhận những thông tin về cái chết theo một văn phong nhà binh ngắn gọn, rành mạch:

“Ngày, nơi, nguyên do tạ thế: Tử trận ngày 18 tháng 5 năm 1968 trong lúc hành quân chạm súng với Việt-Cộng tại tọa độ XS.715554 thuộc xã Thuận Mỹ, Quận Bình Phước, Tỉnh Long An”. Thông tin về tuổi lính: “Thâm niên công vụ: 03 năm 06 tháng 00 ngày”, và cuối cùng là “Quy trách công vụ: Trường hợp chết trên được quy trách vào công vụ”.

Hơn một tháng sau, một thư chia buồn của Tổng Tham Mưu Trường được gửi tới “Bà Lê Thị Nhân ngụ tại 127/7 Trần Hoàng Quân, Định Tường” (đúng ra là Lê Thị Nhân, chị Sáu tôi). Thư ghi ngày 25/05/1968, theo mẫu in sẵn, chỉ đánh máy điền tên tử sĩ, số quân, đơn vị, ngày chết và được ký trực tiếp bởi Đại tướng Cao Văn Viên, với con dấu của Bộ Tổng Tham Mưu. Mấy lỗi đánh máy từ tên thân nhân, tên tử sĩ (Thuận thay vì Thuận), ngày chết (15 tháng 5 thay vì 18 tháng 5) có phải vì thời gian này sĩ quan tử trận nhiều hay quân số ở văn phòng bị giảm, để tăng cường cho đơn vị tác chiến? Nhưng mẫu văn thư được trình bày trang trọng, nội dung súc tích, văn phong hoa mỹ và có chừng mực:

“... Sự hy sinh cao cả của cố..... đã làm rạng rỡ uy-danh Quân-Đội, nêu cao gương chiến-đấu cho Đồng-Đội và để lại niềm tiếc thương vô hạn giữa các người thân yêu”. “ Nhân dịp đau đớn này, nhân danh toàn thể Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa, tôi xin nghiêng mình trước vong linh người chiến hữu và xin thành thật phân-ưu cùng tang quyến”

Lúc này Ba má tôi đang tản cư ở nhờ nhà người quen nên chưa lập bàn thờ cho Anh trong nhà được. May có Dì Năm là em ruột của Má gợi ý sắp xếp đặt một bàn thờ để cúng thết cho Anh trong nhà Dì, có lẽ vì riêng Dì theo đạo Phật, còn Dượng Năm và mấy người con đều theo Công Giáo nên không kiêng cử. Đến kỳ cúng thết 7 ngày và 21 ngày, tôi chạy xe đạp 12 cây số từ Mỹ Tho lên Tân Lý Tây và lần đầu tiên quỳ trước bàn thờ ê cả đầu gối để lạy theo tiếng tụng kinh gõ mõ của Thầy Tư Quốc, một ông Thầy tụng già trong làng. Giữa tiếng tụng kinh ê a, khi trầm khi bổng thật não nuột, nhiều lúc chị em tôi không cầm được nước mắt trong cảnh quạnh hiu chỉ có hai mái đầu xanh quỳ trước bàn thờ và đôi ba người thân xung quanh. Lắm lúc hai đứa mãi khóc mà quên cả lạy sau mỗi câu “tam bái, tứ bái” của Thầy Tư, đến đổi Thầy phải nhắc “lạy đi mấy cháu”.

Mấy tuần sau, vì coi bộ phải tản cư lâu dài nên Ba tôi xin ở đậu ngôi nhà bỏ trống của một người bà con xa, ở ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, nằm cách lộ Phú Mỹ-Tân Hiệp không tới trăm mét, thuộc vùng còn “tương đối an ninh”. Sau một trận đánh lớn tại xóm này năm 1964, chủ nhà đã tản cư xuống Mỹ Tho rồi định cư làm ăn luôn. Ba tôi xin cất nóc thêm phía sau ngôi nhà ngói lớn 3 căn của chủ nhà một chái nhà lợp lá cũng khá rộng làm chỗ sinh hoạt hàng ngày, và kê được cái bàn thờ để cúng thết định kỳ cho Anh từ đó.

Khi tôi về cúng thết 49 ngày của Anh thì gặp chị BT từ Long An về dự, và sau đó thỉnh thoảng chị lại ghé thăm gia đình tôi khi có dịp về quê Phú Mỹ của chị, là xã nằm giáp ranh. Vài tháng sau, một ngày cuối tuần tôi về nhà nghe Má kể mấy bữa trước Chị về ở chơi luôn mấy ngày, mới đi hôm qua. Má nói Chị làm Má lo quá mà không dám hỏi, mà té ra không phải như điều Má lo. Tôi thắc mắc thì Má nói thì thầm “*Má sợ nó có bầu bì gì với anh Bẫy mây, giờ muốn thú thiệt. Cho tới hồi sắp từ giã thì nó mới nói thiệt là “con về thưa với hai bác là ba má con sắp già con rồi”.* Tội nghiệp quá, nó nói quyến luyến ở với nhà mình mấy bữa, chớ sau này chắc khó về thăm được. Cuộc hôn nhân của chị, như sau này chúng tôi được biết, là do gia đình sắp đặt. Nhưng từ khi lập gia đình chị vẫn thường xuyên giữ liên lạc và hiếm khi vắng mặt ở gia đình tôi vào dịp đám giỗ Anh hàng năm mặc dù gia đình không báo cho chị biết. Và còn biết bao thân tình mà chị tiếp tục dành cho gia đình người bạn trai vắng số của mình. Trong đám cưới tôi, vào năm 1978, khi mà hãy còn “cắm chợ ngăn sông”, thắt chặt tư nhân kinh doanh, chị đã dẫn bà chị Sáu tôi đi mua sắm nữ trang cho lễ cưới và tự tay may tặng

cặp gối cưới cho vợ chồng tôi. Cho đến hơn bốn mươi năm sau ngày Anh mất, dịp chúng tôi bốc mộ Anh để cải táng vào năm 2014, chị vẫn có mặt cúng kiến và đưa hài cốt Anh về quê nhà Tân Hòa Thành.

Người bạn gái tên N của Anh, người trọ học chung với tôi đã chuyển đi ở trọ nơi khác, sau khi Anh mất vài tháng. Tôi không còn liên lạc với chị nhưng theo cô em gái tôi, là bạn thân với chị, thì chị nói do muốn thay đổi để quên đi những kỷ niệm buồn đau. Vài năm sau, chị kết hôn với một sĩ quan người cùng quê đang đồn trú trong tỉnh nhà. Không may, trong một lần đi thăm chồng, chị bị tử thương vì tối đến hậu cứ đơn vị bị pháo kích. Khi đó, có lẽ chị chưa qua tuổi hai lăm.

GIỜ LẠI NHỮNG LÁ THƯ XƯA



Ban đầu, tôi đã định kết thúc chuyện kể về Anh sau 10 trang giấy. Nhưng sau đó tôi lại dấy dút với câu hỏi hai mươi bốn năm trên cõi đời của Anh mà tôi chỉ ghi lại được ngần này sao? Và tôi đã mở chồng thư của Anh tìm đọc. Những lá thư Anh nhận được và có cả một vài lá thư Anh viết xong mà không gửi. Vừa lướt qua tất cả phong bì, tôi nhận ra một điều lạ là không có một lá thư nào của chị BT, và tôi nhớ lại ngay một việc mà khi xưa cô em họ đã nói với tôi nhiều lần với thái độ bức bối. Đó là vào lúc tôi mang cái rương của Anh từ hậu cứ về nơi chờ nhận xác Anh thì chị BT cũng vừa tới và chị xin được mở rương. Cô

em kể lại chị BT đã bóc ngay chồng thư của Anh và mau lẹ lấy cất một xấp thư, có lẽ chính là những lá thư Chị đã gửi cho Anh. Dù sao, nhờ đọc được những lá thư còn lại, tôi biết thêm ít nhiều tình tiết về cuộc đời ngắn ngủi của Anh mà tôi nên ghi lại như là những minh chứng sống động và chân thực.

Đó là sự hiểm nguy khi Anh được điều động về chỉ huy đại đội 795 ĐPQ đóng ở Ngã Ba Mỹ Bình thuộc quận Tân Trụ, Long An. Từ khi Anh còn là Đại đội phó 479 đóng ở Thủ Thừa thì người bạn là Chuẩn úy Nhân, khi đó đang làm việc tại phòng 3 tiểu khu Long An, trong một lá thư không ghi ngày, đã đùa cợt dọa dẫm Anh bằng câu *"...nếu không thì tao đề nghị cho (mày) làm Tư lệnh Mỹ Bình suốt đời đấy! Nói chứ đề nghị vậy thì cuộc đời son trẻ của C/ú Thuận còn gì nữa"*. Rõ ràng Mỹ Bình là chỗ "hắc ám" có tiếng, và có thể hiểu là về chỉ huy cái đại đội đóng ở đó cũng có nghĩa "bị đi" chẳng? Một lá thư ghi ngày 27/12/1967, mấy tháng sau khi Anh đã về chỉ huy ĐĐ 795, từ Chuẩn úy Hưng đang nghỉ dưỡng thương ở Sài Gòn, đã viết *"khi nghe tin Thuận về Tân Trụ lòng mình se thắt nhưng biết làm sao hơn. Đòi người có số cả, biết đâu T sẽ là một tư lệnh QĐ sau này...."*

Một lá thư từ KBC 4493 của Đoàn Trí Cẩm là con của một người cô ruột chúng tôi, khi đó đang thụ huấn một khóa chuyên môn quân y ở Sài Gòn, thư này liên quan đến anh Ba H ở Thủ Thừa, một người bạn học cũ đã được Anh lãnh về gia nhập đại đội của Anh mà tôi đã kể qua. Dượng Năm tôi, ba của Cẩm là cậu ruột của Ba H nên Cẩm và Ba H là anh em cô cậu ruột. Sau khi anh Ba H tham gia chuyến hành quân "trực thăng vận" đầu tiên thì bà mẹ đến tìm Anh than thở và ngỡ ý muốn được giúp đỡ để con mình không phải đi những cuộc hành quân "nhảy trực thăng" nguy hiểm như vậy. Anh kể lại đã nói thẳng với bà đại ý là tất cả mọi người ở trong đơn vị đều phải vì nhiệm vụ, theo lệnh cấp trên mà thi hành, nguy hiểm thì phải cùng chung chịu, kể cả những người chỉ huy như Anh, chứ đối xử không công bằng thì làm sao chỉ huy được. Mấy ngày sau đó, một cô gái trong gia đình này lại tới gặp Anh đưa biểu một sợi dây chuyền để "đền ơn". Anh nói có lẽ họ nghe đâu đó có những đơn vị có tình trạng chỉ huy nuôi "lính ma", "lính kiếng". Không biết lời lẽ Anh từ chối như thế nào mà từ đó gia đình anh Ba H không tới nữa và qua thái độ của Anh khi về phép kể lại câu chuyện, tôi biết Anh rất không hài lòng vụ này! Mục đích chính của lá thư là Cẩm "gởi gắm" Ba H cho Anh. Cẩm cũng gián tiếp khéo léo báo cho Ba H biết Cẩm đã thực hiện việc gởi gắm này bằng cách đồng thời nhờ Anh chuyển 1 lá thư ngắn của Cẩm gửi Ba H được bỏ kèm theo trong cùng phong bì. Tuy nhiên, chắc hẳn Anh thấy không hài lòng nên không hề cho Ba H biết vụ gởi gắm này, vì cuối cùng lá thư kèm theo vẫn còn nằm trong phong bì mà không được Anh chuyển cho Ba H.

N.V.U là con của Di Hai tôi, rớt Tú tài nên đăng vào khóa học Hạ sĩ quan truyền tin và phải trải qua khóa huấn luyện quân sự căn bản ở TTHL Quang Trung trước khi vào học chuyên ngành truyền tin. Từ quân trường (KBC 4091), ngày 10-9-66 chàng tân khóa sinh viết thư thăm ông Anh Chuẩn úy kể nỗi cực khổ: *"Ở đây học cực lắm, không có đủ thì giờ để ngủ. Nhiều khi vào phòng học thì ngủ quá trời. Nhứt là ăn cơm ở bãi. Ăn thì cát, nước. Ôi thôi đủ thứ là phiền. Mà trong người chỉ có 1 bộ đồ trận thôi. Hôi muốn chết được. Dù muốn dù không cũng phải ráng. Còn poncho thì chả có phát gì cả. Thiếu quá trời."* Có lẽ chàng bắt đầu thụ huấn tại

TTHL Quang Trung trên 1 tháng rồi, vì thường thì tân khóa sinh thuộc các khóa Hạ sĩ quan sẽ được đi phép sau vài tuần nhập học ở đây. Nhưng không hiểu sao đến lúc này mà quân trang vẫn thiếu thốn như vậy! U kể chủ nhật trước tức 3-9-66 được về phép có đến tìm Anh “*hy vọng gặp anh để xin 1 bộ đồ trận mà anh đã hứa với em nay độ 1 tháng 1/2*” và tha thiết nhắc lại “*chắc em 2 tuần nữa được về phép. Anh nhớ đem về cho em nhé anh. Anh cho em 1 bộ đồ còn hơn 500\$ nữa. Để em thay đổi*”. Thật tội nghiệp, cho đến tận cuối thư, dưới chữ ký đã hết chỗ, U còn xoay nghiêng để viết tái bút “*T-B: Em hy vọng kỳ về phép này được 1 bộ đồ trận*”. Đọc tới đây tôi mới nhớ lại ngày nào tôi đã thắc mắc lý do Anh đã phải quày xe trở lại chỉ để hỏi Anh Năm có cần quân phục Anh sẽ gửi cho. Thì ra lúc đó anh Năm vừa được tổng động viên tái ngũ với cấp bậc lính tron. Anh lo rằng Anh Năm có thể bị thiếu thốn quân trang mà ngại, không mở lời với ông em mình.

Lá thư Anh viết ngày 13-10-66 ghi địa chỉ N.V.U ở KBC.4091 (TTHL Quang Trung) đã không được gửi đi, có lẽ vì Anh chưa kịp gửi thì đã nhận được thư của U ghi ngày 12-10-66 báo tin đã chuyển ra học Trường truyền tin ở Vũng Tàu. Anh cho biết nửa tháng trước đã về phép đem đến nhà U gửi bộ đồ trận. Anh an ủi, động viên chú em tân binh và cũng là tự nhủ mình: “*Những nỗi vất vả gian nan của em anh đã hiểu và thương em lắm, tuy vậy chúng ta sẽ vượt qua tất cả... Cuộc đời chúng ta ngày nay là thế, chúng ta phải can đảm nhận lấy, buồn khổ mà chi hỡ em... Anh độ này vẫn như trước – vẫn khỏe và cũng vẫn cô đơn. Đời lính chiến đánh giặc, vợ con mà chi*”. Vậy là lúc này Anh đã có tâm niệm không tạo lập một mái gia đình vì kiếp sinh tử mong manh của người lính chiến ngoài mặt trận. Tôi chợt nhớ tới mấy câu thơ trong bài Biên Cương Hành của Phạm Ngọc Lư:

*“Ngày về không hẹn ngày hôn lễ
Hoặc ngày ta nhắm mắt tay buông
Thôi em, chớ liều thân cô phụ
Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường.”*

6. THẤP THOÁNG NHỮNG BÓNG HỒNG VÀ MỐI TÌNH ĐƠN PHƯƠNG

Thư nhận được từ những người con gái, Anh còn giữ khá nhiều. Có những lá thư từ những “Em gái hậu phương” mà sự quen biết bắt đầu bằng sự thành thật không chút màu mè. “*Em tên là XXX nhân viên văn phòng công ty xuất nhập cảng Đặng Đình Đáng, được giới thiệu làm quen với Anh theo chương trình ...*”. Đó là một trong những loại chương trình Tâm lý chiến, theo đó chính phủ vận động các doanh nghiệp, cơ quan, trường học bằng cách nào đó phổ biến và khuyến khích các cô gái độc thân trong đơn vị mình viết thư cho các người lính ngoài tiền tuyến, theo một danh sách chiến sĩ ngẫu nhiên, với địa chỉ là số khu bưu chính quân đội (KBC). Tôi nhớ thường cứ mỗi năm vào dịp chuẩn bị đón xuân thì phong trào này lại rộ lên. Đa số những lá thư loại này chỉ một lần đi mà không có hồi âm hoặc sau đó không lâu thì “nhịp cầu tri âm” được 1 bên rút cầu mau lẹ vì nhiều lý do. Thật ra, lý do chính là đa số các cô nàng viết thư chỉ để “hoàn thành chỉ tiêu” với sở làm, với trường học của mình. Gửi đi một lần rồi thôi, coi như xong. Nhưng, trong xấp thư của Anh vẫn còn giữ một số thư của chị Trần Thị K.H, là người quê Long Khánh, làm việc tại Sài Gòn đã quen với Anh theo dạng này. Hơn hai năm tính đến ngày Anh mất đã có nhiều lá thư qua lại mà họ chưa từng gặp nhau, cũng chưa biểu hiện gì về tình yêu trai-gái.

Một lá thư khác với nét chữ yếu ớt, không ghi tên ngoài phong bì cũng như cuối lá thư, được viết từ “*Nhị Bình, ngày 13-12-1966*”. Thư mở đầu một cách... rất tự nhiên “*Anh Thuần yêu*”. Và tiếp theo “*Thưa anh, lần đầu tiên em viết những dòng chữ thô sơ này trao đến tay anh là chỉ mong anh hiểu thấu lòng em*” để rồi cô gái tuông trào ngay tâm sự chắc đã ấp ủ hèn lâu “*Anh Thuần! Em xin thú thật là từ lâu em đã yêu anh tha thiết. Nhưng vì hoàn cảnh em không thể nói ra. Chắc anh cũng biết một khi người con gái tỏ tình trước một người con trai lạ là sự tổn thương danh dự gia đình và cho cả người con gái ấy không? Dù biết như thế nhưng em không thể nào cưỡng lại được lòng em...*” Đó là những suy nghĩ đứng đắn, thế nhưng rồi: “*em hiểu em đối với anh, anh chỉ xem em là đứa con nít không biết gì phải thế không? Và em cũng hiểu lắm nên em đã tự trách mình tại sao yêu quá sớm để cho tuổi xuân phải vương bận nỗi ưu tư trong lúc người ta chẳng phút nào nghĩ đến mình.*” Và đây là câu giải thích: “*Tuy vậy, nhưng thà nói thật còn hơn giấu diếm mãi để cho đau khổ phải vương mang trong niềm căm lạng thì biết bao giờ ước mơ thành tựu được, phải vậy không anh?*”

Cô gái tuổi học trò này có lẽ chỉ âm thầm ngưỡng mộ chàng trai trẻ qua nhiều lần gặp gỡ, chứ chưa hề có cuộc trò chuyện tâm tình, như thổ lộ của cô: “*Anh à, em nhút nhát lắm và hay mắc cỡ nên mỗi khi gặp anh thấy anh nghiêm trang làm cho lòng em càng thêm rối loạn không biết nói lời nào thân mật làm quen*”. Thế

nhưng “*đến nay thì thật sự em đã yêu anh bằng một mối tình nồng nhiệt, yêu say đắm bởi sự rung động của con tim chứ không phải tiền tài chức vụ mua lòng em được....Em nói thật có nhiều khi em muốn quên anh để trở về việc bút nghiên hầu mai sau tạo danh vọng với đời. Nhưng em đành bất lực và giờ đây em mơ ước đời em sẽ có anh bên em mãi mãi...*” Chắc hẳn đó cũng là lá thư cuối cùng của cô học trò này gửi cho Anh. Có lẽ bằng cách nào đó, Anh buộc phải tránh mặt vĩnh viễn để cắt đứt dòng mộng mơ lãng mạng của cô gái hồng giúp cô quay về với bút nghiên.

Tôi đặc biệt ngạc nhiên và xúc động khi đọc những lá thư của một người con gái tên N.T.Đ gửi cho Anh vì chưa từng nghe Anh nói đến người con gái này. Không rõ cơ duyên đưa hai người quen nhau từ lúc nào, vì những lá thư của chị Đ mà Anh còn lưu lại chỉ bắt đầu từ tám thiệp chúc Xuân 1967 vào thời gian Anh còn đóng ở Thủ Thừa. Lá thư cuối cùng chị Đ gửi cho Anh khi Anh đã về Tân Trụ và thư hồi âm Anh đã viết ngày 04-03-1968 chưa kịp gửi (hay không muốn gửi?). Phong bì thiệp chúc Xuân đầu năm 1967 đã ghi địa chỉ người gửi từ KBC 3493 cho thấy lúc này chị Đ đã nhập ngũ. Trang giấy màu hồng ghi lời chúc được mở đầu bằng “*Sài gòn ngày 22-1-1967, K.B.C 3493 và sau những câu chúc tụng, cuối trang là 2 câu thơ:*

*Lỡ duyên lỡ nợ nên đành phải
Khoác áo quân nhân biệt bạn....”*

Có thể suy ra hai người đã quen nhau từ trước cuối năm 1966 khá lâu và lúc này Chị đã biết tình cảm Anh dành cho Chị như thế nào rồi. Thời gian này hẳn là Chị đang thụ huấn một khóa học nào đó của Nữ quân nhân tại Sài Gòn. Kế tiếp 2 tháng sau đó, Chị có lá thư viết tại Thủ Thừa ngày 26/3/67 mở đầu bằng “*Anh của Đ*”, “*Đã mấy đêm rồi Đ không sao ngủ được, thao thức mãi và suy nghĩ rất nhiều. Đ không biết rồi đây ra đi xa ngàn dặm mà có nên đến từ giã Anh không? Anh T, dấu sao 1 ngày quen cũng là bạn, vậy lúc Đ ở nơi xa Anh hãy cho Đ gửi về Anh vài lá thư tâm sự...*”.

Có lẽ khóa học đã kết thúc, chị ra trường và sắp đi nhận nhiệm sở, vì chị đã viết “*Đ muốn đến thăm Anh nhưng sợ Anh bận nên Đ mượn bức thư này thay Đ nói lên lời giã biệt lúc Đ ra đi. Anh, Đ được đổi ra “Lực lượng Đặc biệt” đóng ở Nha Trang, buồn quá Anh T nhỉ? Giờ đây, đọc những dòng chữ mà người con gái đang “lụy vì tình” ấy đã viết thật khó mà hiểu được vì đâu nên nỗi, nhưng dễ nhận thấy một tâm trạng đầy mâu thuẫn của người con gái mới lớn. Chị đã viết tiếp “Anh, Đ muốn rằng dầu ở xa ngàn dặm Anh cũng đừng khinh người con gái mà Anh không bao giờ yêu” nhưng sau đó lại trách móc “Đ biết lúc ban đầu Anh yêu Đ lắm, nhưng giờ đây đã hết rồi, vì tìm Anh giờ đây đã có một hình bóng mới”. Nhưng điều ngạc nhiên nhất chính là chị cay đắng “Anh T, chắc Anh cũng biết chứ, Đ ra đi không ngoài mục đích trốn tránh Anh, không phải Đ ghét bỏ Anh nhưng đó là Đ yêu Anh đó mà không được người yêu lại”.*

Có lẽ khó mà hiểu được tâm lý của người con gái ấy vào sáu mươi năm về trước khi Chị thú nhận “*Đ đi về ngành này là sự ép buộc của lòng Đ, chứ Đ biết rằng ai cũng đều ghét “Nữ Quân Nhân”, chính Anh cũng nói thế khi mà lời nói chơi của Đ lúc ở nhà chị Hai.”* Nhưng lời nói của Đ đầy ý nghĩa, nghĩa là nếu Đ biết Anh phụ Đ thì Đ sẽ gia nhập vào đoàn “Nữ Quân Nhân”. Nay đã thành sự thật... Chắc đã nghĩ tới những khó khăn chờ đón khi đi vào con đường binh nghiệp đầy chông gai nên Chị đã viết “*...biết rằng thân gái dặm trường nhưng Đ cũng rán giữ thân cho cha mẹ vui và trọn tình với người mà Đ thương yêu*”. Cuối thư lại là 4 câu thơ mà thời trước tôi cứ đinh ninh chỉ dành cho những chàng trai thất tình và... có máu cãi lương:

*“Lỡ duyên lỡ nợ nên đành phải
Khoác áo quân nhân biệt bạn tình
Em nén buồn đau vùi kỷ niệm
Ra đi quên lãng bóng hình Anh”*

Ngày 11 tháng 4, tức chỉ nửa tháng sau, từ Nha Trang Chị lại gửi về cho Anh một lá thư đầy những câu hỏi tiếc và than thân trách phận: “*...bây giờ em hối hận thì chuyện đã rồi. Quyết định của em hãy còn non, chưa đứng vững lập trường nên giờ này em phải âm thầm đau khổ. Cái đau khổ của một người con gái cũng vì yêu mà nay mới ra nông nỗi. Có lúc em tự nghĩ phải chi em đừng sờ mó chữ yêu...*” và “*không biết tại sao lúc em tình nguyện ra đơn vị lại tìm đơn vị cho xa nhưng lúc về đến đơn vị mới thì lại ngao ngán và muốn trốn về luôn.*”

Ngày xưa thời gian một lá thư đi từ Nha Trang về tới quận Thủ Thừa của tỉnh Long An thường phải mất cả chục ngày, cho nên lá thư tiếp theo đề “*Nha trang ngày 3 tháng 5 năm 1967*” chứng tỏ chị mong thư Anh biết bao dù chưa nhận được hồi âm. Mà Chị viết lá thư này cũng phải thôi vì Chị đã có mấy ngày “*dù*” về Long An

nhân được cử đi công tác ở Sài Gòn, nhưng chỉ gặp được Anh một lần. “Đ về thăm gia đình hôm gặp Anh và nay Đ đã ra đơn vị... Đ về nhà rất muốn đến thăm Anh nhưng Anh bận học nên Đ đành ở nhà vậy....Đ có gởi cho anh 2 bức thư không biết Anh có nhận được hay không mà sao không trả lời cho Đ”. Điều đặc biệt trong lá thư ngắn chỉ hơn 1 trang này là chị nhắc đến chị H, một người yêu của Anh trong những năm trước (từ khi Anh nhập ngũ cho đến khi Anh về Long An chừng nửa năm thì hai người đã chia tay vĩnh viễn). “*Thôi vài hàng thăm Anh và chúc Anh có nhiều mộng đẹp với người đẹp thợ may*” và chị không quên kèm theo đoạn tái bút với mấy câu thơ cay đắng, ngậm ngùi:

*“Anh, người Anh mà Đ kính
Em, người em gái bạc phần
Số mệnh là con số không
Đối với người con gái vô duyên”*

Anh vẫn không hồi âm lá thư này. Rồi mãi đến năm sau, cách hơn 9 tháng trời, Chị lại có lá thư viết từ ... miền Tây: “*Cần Thơ, ngày 20/2/68*”. Thư được mở đầu bằng cách xưng hô mới “*Thiếu úy mến*” thay vì “Anh Th...” hay “Anh của Đ...”, và suốt trong thư Chị đều dùng “Thiếu úy” thay cho “Anh” như những lá thư trước. Trước hết, Chị giải bày “*Lâu rồi không biên thư cho Thiếu úy nghĩ cũng buồn. Nhưng thư đi mà lại không có thư về thì lại càng buồn hơn*”. Sau đó Chị chỉ hỏi thăm Anh có về quê ăn Tết không và kể lại chuyện đi gian nguy của mình từ Long An về đơn vị ở Cần Thơ. Đây là những ngày chiến sự vừa tạm lắng sau đợt Tổng công kích Tết Mậu Thân mà chỉ qua lời kể trong thư này có thể thấy một bức tranh thảm khốc của thời kỳ chiến tranh. Chị kể “*...về nhà ăn Tết hôm 30 rồi kẹt ở đó luôn cho đến 16 tây mới về đơn vị. (16 tây tháng 2/1968 là ngày 18 tháng Giêng âm lịch). Nhưng Thiếu úy biết không gian nan lắm mới về được đơn vị đó. Từ nhà Đ định lên Hậu cứ xin phi cơ về. Nhưng vừa đến Phú Lâm gặp xe chạy Bắc Mỹ Thuận Đ vội lên xe đi, tới chừng đến Trung Lương thì đi không được do đó Đ phải vào luôn Mỹ Tho định sáng hôm sau đi tàu đò qua Vĩnh Long. Nhưng Đ vừa xuống vườn hoa Lạc Hồng thì chuyến tàu chót Vĩnh Long sắp chạy do đó Đ đi luôn qua VL. Đến chừng tới VL thì ôi thôi điều tàn còn hơn Mỹ Tho nữa làm cho Đ quá sợ. Sợ gì cũng rần, ngủ ở VL một đêm để sáng hôm sau về Cần Thơ. Tưởng thoát nạn nào dè trên đường Vĩnh Long – Cần Thơ lại một phen hú hồn. Chiếc xe Lambretta chạy trước xe của Đ trúng mìn nổ tung làm cho 11 hành khách chết không toàn thân. Đ chết đứng trong lòng phải xuống tàu đi 2 cây số rồi mới lên xe về đường Cần Thơ được. Về tới đơn vị mà còn rung trong bụng.”*

Lá thư ngày 20 tháng 2 năm 1968 này là lá thư cuối cùng của Chị mà Anh nhận được, và lần này Anh đã viết một lá thư hồi âm. Thư viết từ “*KBC 4088 ngày 4-3-1968*”, có lẽ không lâu sau khi nhận thư Chị, nhưng hơn 2 tháng sau, cho đến ngày Anh ra đi vĩnh viễn (18 tháng 5), nó vẫn chưa được gởi đi! Phải chăng Anh đã suy nghĩ rất nhiều trong tâm trạng dằng xé. Phải chăng Anh muốn an ủi Chị bằng lá thư này, nhưng rồi e ngại nó sẽ đem niềm hi vọng nào đó cho Chị và điều đó cuối cùng lại chỉ làm cho Chị thất vọng và đau khổ vì trái tim của Anh thật sự không dành cho Chị? Hay bởi Anh vừa hụt hẫng trong một cuộc tình đã gắn bó bấy lâu nay?

“Được thư Đ anh biên vội mấy dòng về cho Đ. Kéo Đ trách anh “thư đi mà chẳng có thư lại”. Vậy, đúng là Anh chưa từng hồi âm cho Chị, và Anh phân trần “Anh chỉ muốn ở lòng anh một thứ tình cảm chân thật. Thỉnh thoảng Đ về ghé lại thăm anh, như thế cũng đủ rồi. Anh thì bận luôn”. Và phải chăng trong một phút dao động trước tờ giấy viết thư Anh đã không thật lòng với người con gái này khi Anh viết: “Đôi lúc rảnh rồi nhưng nào biết đến thăm ai. Vì Anh có ai đâu ... Vì người quen ngày cũ biết có còn là đưa em gái ngày nào của anh nữa chẳng?..... Một bóng người đã qua ở hồn anh nhưng vẫn còn ghi mãi ở lòng. Viết nhiều chỉ thêm buồn”.

Và rồi sau đó khi đọc lại những dòng chữ mình đã viết, Anh cảm thấy áy náy nên không gởi thư đi? Nhưng tại sao hơn một năm qua Anh chưa từng “than buồn kể khổ” với chị, thậm chí chưa từng có một lá thư hồi âm mặc cho chị trách hờn, mà lại là lúc này? Hay phải chăng đây là lúc mối tình của Anh và chị BT vừa có dấu hiệu trắc trở sau gần một năm Anh rời Thủ Thừa chuyển xuống Tân Trụ, một vùng đất dữ? Tôi đọc nhiều lần và không khỏi bàng hoàng trước những câu “*Ra đi một bước biết bao đổi thay. Rồi việc phải đến nó sẽ đến. Anh không buồn mà cũng chẳng tiếc thương – nhưng đôi lúc thấy lòng cô đơn và trống lạnh quá*”. Có thật không khi Anh thổ lộ tiếp: “*Một bóng người đã qua ở hồn anh nhưng vẫn còn ghi mãi ở lòng. Viết nhiều chỉ thêm buồn*”. Lăn quăn, dòng suy nghĩ lại đưa tôi tới hình ảnh chị BT khi chiếc rương của Anh được đưa về trước khu nhà xác bệnh viện Long An năm nào. Khi đó Chị đã xin phép lục soạn chồng thư từ trong rương để vội vàng gom góp lấy hết những lá thư của Chị đã gởi cho Anh. Kế tiếp là việc Chị đã lên xe hoa chỉ mấy tháng sau ngày Anh mất. Như vậy, phải chăng khi viết lá thư này Anh đã được thông tin tan vỡ mối tình từ Chị

BT: Chị đã nghe theo lời cha mẹ chuẩn bị ôm cầm sang thuyền khác? cho nên Anh đã than “Ra đi một bước biết bao đổi thay”. Nhưng vì sao hơn 2 tháng Anh vẫn chưa gửi lá thư này cho chị Đ?

Thôi, tất cả chỉ là những suy đoán hơn năm mươi năm sau của người ngoài cuộc. Và cho dù sự thật thế nào thì với tôi Chị BT vẫn luôn để lại hình ảnh một người đáng kính yêu bằng những sự gần gũi gắn bó tình cảm với gia đình người bạn trai quá cố của mình kể từ khi người ấy nằm xuống và còn mãi đến nay hơn 50 năm. Còn tình cảm mà Chị Đ đã dành cho Anh thật sự đã làm cho tôi vô cùng thương cảm và nhận ra mình đã chưa hiểu đầy đủ về tình yêu. Ôi, tình yêu có thể khiến cho con người ta làm mọi chuyện bất chấp hiểm nguy. Phải chăng một mối tình đơn phương có thể làm cho ta thất vọng nã nề thậm chí đi tới quyết định liều lĩnh nhưng lại vẫn nuôi dưỡng mộng mơ hảo huyền?

Nhà thơ Xuân Diệu đã từng phải thốt lên:

*“Làm sao cắt nghĩa được chữ yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu”.*

Và tôi thầm nghĩ giá như Chị Đ nhận được lá thư của Anh rồi biết tin Anh mất thì có lẽ Chị sẽ rất đau khổ nhưng cũng phần nào cảm thấy ấm lòng. Còn với Anh, tôi không sao quên cái câu Anh thường lặp đi lặp lại khi gia đình hỏi lúc Anh vừa rời khỏi Thủ Thừa về ý định tiến tới hôn nhân với Chị BT như thế nào: “*Đời lính sống nay chết mai mà, vợ con làm gì cho khổ người ta*”. Hẳn nhiên cái chết của người lính có thể tới vào một ngày nào ai mà biết được sẽ làm cho bao nhiêu người thân đau khổ. Nhưng có khi Anh cố tình lẩn tránh sự ràng buộc hôn nhân hoặc một tình yêu tha thiết của người yêu mình lại đẩy đưa cho họ tới nghịch cảnh với một nỗi khổ đau ray rức khôn nguôi?

Xin các Chị, những hình bóng đã từng vấn vương trong trái tim sôi nổi của Anh, một người lính chiến tuổi đôi mươi chỉ mới rử áo thư sinh năm nào, hãy thứ lỗi cho tôi vì đã đưa một góc đời các Chị vào trong câu chuyện này. Tôi thấy sẽ vô cùng thiếu sót, và có lỗi với Anh và các Chị nếu câu chuyện về Anh mà không có chút hình bóng nào của các Chị, bởi chính nhờ đó mà tôi có thể hình dung lại trung thực hơn, đầy đủ hơn hình tượng người Anh mình với những sắc màu vốn có.

Mỹ tho, 18 tháng 5 năm 2025